TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HS-ST.
Ngày 29 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trương Chí Th, sinh năm 1999 tại huyện C L, tỉnh Trà Vinh;

Nơi cư trú: Ấp An Chánh, xã Tân Bình, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trương Minh T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ. Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo Trương Chí Th bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 23/01/2021 đến ngày 28/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Phan Hữu D, sinh năm 1983 tại huyện C L, tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phan Văn Năm, sinh năm 1956 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 20/03/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 21/4/2017.

Bị cáo Phan Hữu D bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 23/01/2021 đến ngày 28/01/2021 chuyển tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Trần Hoàng D, sinh năm 1978. (vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Ánh N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp Kinh Xáng, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

3. Anh Đỗ Công L, sinh năm 1981 (vắng mặt)

4. Chị Phan Thảo Qu, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp Hiếu Văn, xã Hiếu Nghĩa, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long.

5. Anh Võ Minh L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1977(vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp Thân Đức, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

7. Chị Trần Mai Thanh T, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Trú tại: Khu phố Tân Hà, phường Tân Long, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

8. Anh Trần Ngọc Â, sinh năm 2000 (có mặt)

9. Chị Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 2000 (có mặt)

Cũng trú tại: Ấp Ngãi Trung, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

10. Anh Thạch R, sinh năm 1980 (vắng mặt)

11. Chị Thạch Thị Tuyết Tr, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp Cầu Tre, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thanh Hiệp, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Ấp An Chánh, xã Tân Bình, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Trương Minh T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp An Chánh, xã Tân Bình, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp

- *Người làm chứng:*

1. Chị Ngô Thị Hương Gi, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Ấp Hiếu Văn, xã Hiếu Nghĩa, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long

2. Ông Trương Ngọc Â, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp Phú Thạnh, xã Phú Phong, huyện C T, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 01 năm 2021, bị cáo Trương Chí Th quen biết với bị cáo Phan Hữu D, cả hai nhắn tin qua lại với nhau về việc mua bán xe mô tô trên mạng Internet. Trong lúc trao đổi, bị cáo Th nảy sinh ý định trộm xe mô tô đem bán lấy tiền tiêu xài nên bàn bạc với bị cáo D về tỉnh Trà Vinh thực hiện trộm tài sản.

Ngày 16/01/2021, bị cáo D chuẩn bị dụng cụ bẻ khóa xe mô tô gồm 07 (bảy) cây đoản và 02 (hai) cây điếu tròn, chữ "L", kích cỡ 08 mm và gọi điện thoại cho bị cáo Th biết ngày 17/01/2021 sẽ xuống nhà bị cáo Th để cùng đi trộm xe mô tô. Đến sáng ngày 17/01/2021, bị cáo D mua 01 (một) chiếc xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Air Blade, màu đen, không rõ biển kiểm soát với giá 13.000.000 đồng của một nam thanh niên, khoảng 35 tuổi (không rõ lai lịch và địa chỉ cụ thể) tại khu vực chợ Bình Chánh, thuộc huyện B C, thành phố Hồ Chí Minh để làm phương tiện đi trộm xe mô tô cùng với bị cáo Th. Sau khi mua xe xong, bị cáo D điều khiển xe mô tô trên đến nhà bị cáo Th.

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/01/2021 đến 23/01/2021 bị cáo Th và bị cáo D đã thực hiện 06 (sáu) vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô, với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là **111.443.750** đồng. Cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Vào khoảng 15 giờ, ngày 17/01/2021, bị cáo D từ Thành phố Hồ Chí Minh điều khiển xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Air Blade đến nhà của bị cáo Th tại ấp An Chánh, xã Tân Bình, huyện C L, tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Th bàn bạc và thống nhất với bị cáo D về việc đi trộm xe mô tô, bị cáo D đưa 01 (một) cây đoản và chìa khóa xe cho bị cáo Th để chở bị cáo D đi tìm xe mô tô lấy trộm. Khi đến khu vực chợ Lò Ngò thuộc ấp Kinh Xáng, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo Th phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Future biển kiểm soát 84H1-123.05 của anh Trần Hoàng D và chị Trần Thị Ánh Ng đang dựng trước cửa nhà, không người quản lý. Bị cáo Th ngừng xe lại cặp lộ và nói với vị cáo D: "Anh ở đây đi,

để em đi vô làm", bị cáo Th trực tiếp vào dùng đoản bẻ khóa, lấy trộm xe mô tô trên và điều khiển xe mô tô về nhà bị cáo Th cất giấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 08 ngày 15/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T C đã kết luận: Giá trị 01 (một) xe hiệu Honda, kiểu Future, màu đỏ đen, bánh mâm, thắng đĩa, biển kiểm soát 84H1-123.05 theo giá thị trường tại thời điểm ngày 17/01/2021 là 9.020.000 đồng.

- **Vụ thứ hai**: Vào khoảng 11 giờ, ngày 18/01/2021, tại nhà bị cáo Th, sau khi bàn bạc thì Th và D thống nhất tiếp tục tìm xe mô tô khác để trộm, bị cáo Th lấy công cụ bẻ khóa xe gồm đoản và cây điếu cất vào túi áo. Bị cáo Th điều khiển xe mô tô kiểu Air Blade của bị cáo D để chở bị cáo D đi. Khi đến khu vực ấp Hiếu Văn, xã Hiếu Nghĩa, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long thì bị cáo Th phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Exciter 150 biển kiểm soát 64D1-472.00 của anh Đỗ Công L và chị Phan Thảo Qu được dựng trên sân trước nhà, không người quản lý nên bị cáo Th nói: "Có xe kìa, quay lại đi". Khi bị cáo D dừng xe lại thì bị cáo Th trực tiếp dùng đoản bẻ khóa nhưng đoản bị gãy không bẻ khóa được. Sau đó, bị cáo Th dẫn xe mô tô lên lộ và kêu bị cáo D đẩy chiếc xe về nhà bị cáo Th cất giấu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo D điều khiển xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Air Blade về thành phố Hồ Chí Minh và đã bán chiếc xe này cho một đối tượng không biết họ tên và địa chỉ với giá 14.000.000 đồng. Đối với bị cáo Th đã liên lạc với đối tượng tên M T, ngụ thành phố M T, tỉnh Tiền Giang (không biết lai lịch và địa chỉ cụ thể) để giao dịch mua bán xe. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, đối tượng M T và một nam thanh niên (không rõ lai lịch và địa chỉ cụ thể) đi xe ô tô (xe đã bỏ chỗ ngồi) đến khu vực gần nhà bị cáo Th nên bị cáo Th dẫn xe mô tô biển kiểm soát 84H1-123.05 và xe mô tô biển kiểm soát 64D1-472.00 bán cho đối tượng M T được số tiền 18.000.000 đồng. Khi bán được xe, bị cáo Th đón xe khách lên Thành phố Hồ Chí Minh tìm gặp bị cáo D.

Đến sáng ngày 19/01/2021, bị cáo D đi đến khu vực chợ B C, thành phố Hồ Chí Minh mua một chiếc xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave Blade, màu đen đỏ, biển kiểm soát 63B6-311.05 với giá 9.000.000 đồng tại tiệm cầm đồ (không nhớ tên, địa chỉ cụ thể) tại quận B C, thành phố Hồ Chí Minh. Khi mua xe xong, bị cáo D đi qua khu vực bến xe Miền Tây, Thành phố Hồ Chí Minh để chở bị cáo Th đi về nhà bị cáo Th. Khi gặp nhau, bị cáo Th chia tiền bán xe cho bị cáo D 9.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số: 04/KL.HĐĐGTS ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V L, tỉnh Vĩnh Long kết luận: Giá trị một xe mô tô hiệu Yamaha, kiểu Exciter 150, màu xanh đen, biển kiểm soát 64D1-472.00 theo giá thị trường tại thời điểm ngày 18/01/2021 là 36.400.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Vào khoảng 10 giờ ngày 19/01/2021, khi bị cáo D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63B6-311.05 chở bị cáo Th đi về nhà của bị cáo Th. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến khu vực thuộc phường 6, thành phố T A, tỉnh Long An thì bị cáo D phát hiện có xe mô tô dựng trên vỉa hè không có

người quản lý. Bị cáo Th đến dùng đoản bẻ khóa lấy trộm chiếc xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 63B3- 747.91 của anh Võ Minh L và chị Nguyễn Thị Tuyết Nh. Bị cáo Th điều khiển xe mô tô lấy trộm về nhà của bị cáo Th cất giấu. Khi đến cầu Cổ Chiên, bị cáo Th và bị cáo D dừng xe trên cầu rồi bị cáo D mở cốp xe mô tô phát hiện có một bóp da, màu đen, bên trong bóp có số tiền 2.958.000 đồng, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 63B3- 747.91 mang tên chị Nguyễn Thị Tuyết Nh và nhiều giấy tờ khác. Bị cáo D lấy số tiền 2.958.000 đồng và 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 63B3-747.91, rồi ném bóp da và các giấy tờ khác xuống sông. Sau đó, cả hai bị cáo đi về nhà bị cáo Th, bị cáo D lấy số tiền 2.958.000 đồng chia cho Th số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo D giữ lại 1.458.000 đồng và đưa cho bị cáo Th một giấy đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 63B3- 747.91 cất giữ. Sau đó, bị cáo D điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 63B6-311.05 về Thành phố Hồ Chí Minh, còn bị cáo Th ngủ lại nhà và đến sáng ngày 20/01/2021 đi xe khách lên Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại kết luận định giá tài sản số: 34/KL.HĐĐG ngày 16/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T A, tỉnh Long An kết luận: Giá trị một xe mô tô hiệu Honda, kiểu Wave Alpha biển kiểm soát 63B3-747.91 theo giá thị trường tại thời điểm ngày 19/01/2021 là 12.460.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Th và bị cáo D chiếm đoạt vào ngày 19/01/2021 là 15.418.000 đồng.

- **Vụ thứ tư:** Vào khoảng 11 giờ ngày 21/01/2021, tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo Th gọi điện thoại kêu bị cáo D cùng về Trà Vinh để tìm xe trộm tiếp, bị cáo D đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đến khu vực cầu Rạch Miễu trên đường Nguyễn Thị Thập, thuộc ấp 5, xã Trung An, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang thì hai bị cáo phát hiện có 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Future, biển kiểm soát 63B3-357.38 của chị Trần Mai Thanh Tr dựng trên vỉa hè không có người quản lý nên bị cáo D nói với bị cáo Th: "Xe kìa, quay lại đi", bị cáo Th đồng ý nên bị cáo Th chở bị cáo D quay ngược lại, bị cáo Th dừng xe lại cảnh giới, còn bị cáo D lén lút dùng đoản bẻ khóa xe lấy trộm. Khi bị cáo D lấy trộm được xe mô tô trên thì bị cáo D điều khiển xe về nhà của bị cáo Th. Khi đến gần nhà của bị cáo Th thì xe mô tô lấy trộm bị hư hỏng nên bị cáo Th kêu bị cáo D để xe mô tô tại tiệm sửa xe của anh Nguyễn Thanh H tại ấp An Chánh, xã Tân Bình, huyện C L, tỉnh Trà Vinh để sửa. Sau đó, bị cáo D và bị cáo Th đi về nhà của bị cáo Th.

Tại kết luận định giá tài sản số: 60/KL.HĐĐGTS ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố M T, tỉnh Tiền Giang kết luận: Giá trị một xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Fututer, màu đen ghi, biển kiểm soát 63B3-357.38 theo giá thị trường tại thời điểm ngày 20/01/2021 là 12.000.000 đồng.

- **Vụ thứ năm:** Vào khoảng 19 giờ ngày 21/01/2021, tại nhà bị cáo Th, bị cáo Th lấy cây điếu và cây đoản bỏ vào túi áo khoác và nói với bị cáo D: "Hai anh

em mình đi đá xe tiếp", bị cáo Th điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 63B6-311.05 chở bị cáo D đi đến khu vực ấp Ngãi Trung, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo D phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Exciter 135, màu xanh trắng, biển kiểm soát 84H1-428.98 của anh Trần Ngọc Â và chị Bùi Thị Mỹ D dựng trên sân trước nhà, không có người quản lý nên bị cáo D nói với bị cáo Th: "Em dừng xe, có đồ kìa", bị cáo Th dừng xe lại, rồi bị cáo D đi đến vị trí chiếc xe mô tô để quan sát. Sau đó, bị cáo D đi ra ngoài nói với bị cáo Th: "Trong đó, có 01 chiếc SH Mode nhưng đã khóa SmartKey không mở được, nhưng có con Exciter, gắn sẵn chìa khóa, anh vào dẫn luôn nghe", bị cáo Th trả lời: "Ừ". Do đó, bị cáo D đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 84H1-428.98 rồi bị cáo D điều khiển về nhà của bị cáo Th để cất giấu. Đến khoảng 22 giờ ngày 22/01/2021, bị cáo Th đã bán chiếc xe mô tô trên cho đối tượng tên M T, với giá 7.000.000 đồng, chia nhau mỗi bị cáo số tiền 3.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 09 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T C đã kết luận: Giá trị 01 (Một) xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Exciter 135, màu xanh trắng, biển kiểm soát 84H1-428.98 theo giá thị trường tại thời điểm ngày 21/01/2021 là 23.650.000 đồng (Bút lục số 249).

- **Vụ thứ sáu:** Khoảng 08 giờ ngày 22/01/2021, khi bị cáo D và bị cáo Th đang ở nhà của bị cáo Th thì bị cáo Th nói với bị cáo D: "Bây giờ, hai anh em mình đi kiếm xe đá tiếp", bị cáo D nói: "Thôi, anh em mình đi qua Sóc Trăng chơi, có thì làm tiếp". Sau đó, bị cáo Th lấy cây đoản bỏ vào túi áo khoác rồi bị cáo Th điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 63B6-311.05 chở bị cáo D chạy theo Quốc lộ 60 hướng từ thị trấn T C đi về hướng thị trấn Cầu Quan. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, khi đến khu vực ấp Cầu Tre, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo Th phát hiện có 01 (một) chiếc xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 84H1-385.79 của anh Thạch Rên và chị Thạch Thị Tuyết T dựng trên sân trước nhà của chị Thái Thị Tuyền ngụ cùng ấp, không có người quản lý. Bị cáo Th chở bị cáo D quay đầu xe lại rồi bị cáo Th dừng xe cặp Quốc lộ 60, bị cáo D ở ngoài cảnh giới, còn bị cáo Th quan sát không người quản lý nên bị cáo Th lén lút dùng đoản bẻ khóa xe và điều khiển xe mô tô lấy trộm về nhà bị cáo Th cất giấu.

Đến khoảng 11 giờ ngày 23/01/2021, bị cáo Th và bị cáo D rủ nhau đi tỉnh Sóc Trăng vừa chơi, vừa tìm xe mô tô để lấy trộm khi đến khu vực thị trấn T C, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T C phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên mời làm việc và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Th để xác minh điều tra làm rõ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 07/KL.HĐ ngày 25/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T C kết luận: Giá trị 01 (một) mô tô hiệu Honda, kiểu Wave Alpha biển kiểm soát 84H1-385.79 theo giá thị trường tại thời điểm ngày 22/01/2021 là 14.955.750 đồng.

Đối với đối tượng M T, cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên chưa có cơ sở để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Thanh H không biết bị cáo Th và bị cáo D gửi xe mô tô, biển kiểm soát 63B3-357.38 để sửa là tài sản do trộm cắp mà có.

Về vật chứng đồ vật, tài liệu thu giữ gồm có:

- Khi bị bắt giữ, thu giữ của bị cáo Th gồm: 01 (một) cây đoản, bằng kim loại; 01 (một) cây điếu tròn, bằng kim loại, màu trắng, chữ L, kích thước 8mm, cán điếu được quấn băng keo, màu đen; 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, có số thuê bao 0961.623.445; 01 (một) nón bảo hiểm, kiểu nửa đầu, màu đen, có chữ Style, màu đỏ; 01 (một) áo khoác, màu đen, tay dài, bên tay trái có dòng chữ Underarmour, màu trắng; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, gắn máy, biển kiểm soát 63B3-747.91 mang tên Nguyễn Thị Tuyết Nh; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Chí Th và tiền Việt Nam 9.100.000 đồng.

- Thu giữ của bị cáo D: 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 63B6-311.05, có số máy JA36E056142 và số khung 3653GY05013; 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6 Plus, màu gold, có số thuê bao 0979.380.949; 01 (một) điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, có số thuê bao 0924.629.759; 01 (một) nón bảo hiểm, kiểu nửa đầu, màu xanh rêu, bên ngoài nón có chữ Nón sơn; 01 (một) nón lưỡi trai, vải màu đen, có chữ True, màu xám; 01 (một) áo khoác, màu đen, tay dài, trên vai có dòng chữ Qef white, viền màu đỏ và tiền Việt Nam 13.000.000 đồng.

- Khám xét tại chổ ở của bị cáo Th thu giữ: 02 (hai) xe mô tô, trong đó 01 (một) xe mô tô, hiệu honda, kiểu Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 84H1-385.79, có số máy JA39E0965065 và số khung 3910KY108623 và 01 (một) xe mô tô, hiệu honda, kiểu Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 63B3-747.91, có số máy JA39E0553852 và số khung 3901HY578711; 06 (sáu) cây đoản, bằng kim loại; 01 (một) cây điếu tròn, bằng kim loại, màu trắng, chữ L, kích thước 8mm.

- Anh Nguyễn Thanh H giao nộp 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Future, màu đen ghi, biển kiểm soát 63B3-357.38, có số máy C53E-2001250 và số khung 5360EY001215.

- Trong quá trình điều tra, ông Trương Minh T là cha ruột bị cáo Trương Chí Th giao nộp số tiền là 42.500.000 đồng; bà Lê Thị Th là mẹ ruột của bị cáo Phan Hữu D giao nộp số tiền là 10.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu như sau: Trả cho chị Thạch Thị Tuyết T 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84H1-385.79; trả cho chị Trần Mai Thanh Tr 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B3-357.38; trả cho anh Võ Minh L 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B3-747.91 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, gắn máy, biển kiểm soát 63B3-747.91 mang tên Nguyễn Thị Tuyết Nh; trả cho bị cáo Trương Chí Th 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Chí Th.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, kiểu Air Blade, màu đen, không xác định được biển kiểm soát, bị cáo D đã bán cho người khác, cơ quan Công an không thu giữ được để xử lý.

Đối với 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave Blade, màu đen đỏ, biển kiểm soát 63B6-311.05 do anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979, ngụ ấp Long Bình, xã Long Chánh, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu, đã bị mất trộm vào đêm 20 rạng 21/9/2020 tại ấp Long Bình, xã Long Chánh, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T C đã bàn giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã G C, tỉnh Tiền Giang tạm giữ để xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Thạch R và chị Thạch Thị Tuyết T; anh Võ Minh L và chị Nguyễn Thị Tuyết Nh; chị Trần Mai Thanh Tr đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Anh Trần Hoàng D và chị Trần Thị Ánh Ng yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng; Anh Trần Ngọc Â và chị Bùi Thị Mỹ D yêu cầu bồi thường số tiền 23.650.000 đồng; Anh Đỗ Công L và chị Phan Thảo Qu yêu cầu bồi thường số tiền 36.400.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đồng ý bồi thường, bị cáo Th tự nguyện bồi thường và tác động gia đình bồi thường số tiền 51.600.000 đồng; bị cáo D tự nguyện bồi thường và tác động gia đình bồi thường số tiền 23.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nguyên nhân, động cơ phạm tội của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo Trương Chí Th: Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Chí Th từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2021.

Phạt bổ sung buộc bị cáo Trương Chí Th nộp từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với bị cáo Phan Hữu D: Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1 và 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Hữu D từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2021.

Phạt bổ sung buộc bị cáo Phan Hữu D nộp từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo Phan Hữu D và bị cáo Trương Chí Th cho anh Trần Hoàng D và chị

Trần Thị Ánh Ng số tiền 25.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Trần Ngọc Â và chị Bùi Thị Mỹ D số tiền 23.650.000 đồng; Bồi thường cho anh Đỗ Công L và chị Phan Thảo Qu số tiền 36.400.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) cây đoản, bằng kim loại và 02 (hai) cây điếu tròn, bằng kim loại, màu trắng, chữ L, kích thước 8mm.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) nón bảo hiểm, kiểu nửa đầu, màu đen, có chữ Style, màu đỏ và 01 (một) áo khoác, màu đen, tay dài, bên tay trái có dòng chữ Underarmour, màu trắng của bị cáo Th.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm, kiểu nửa đầu, màu xanh rêu, bên ngoài nón có chữ Nón sơn và 01 (một) nón lưỡi trai, vải màu đen, có chữ True, màu xám; 01 (một) áo khoác, màu đen, tay dài, trên vai có dòng chữ Qef white, viền màu đỏ của bị cáo D.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, có số thuê bao 0961.623.445, 01(một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6 Plus, màu gold, có số thuê bao 0979.380.949 và 01 (một) điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, có số thuê bao 0924.629.759 đã qua sử dụng.

Giao cho cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện T C tiếp tục quản lý số tiền Việt Nam 74.600.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo Trương Chí Th và Phan Hữu D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Trương Chí Th và Phan Hữu D khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự các bị cáo Th, D tự nguyện đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của những người bị hại. Trong đó có phần bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của anh Trần Hoàng D và chị Trần Thị Ánh Ng với số tiền 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Trương Chí Th thống nhất với tội danh "*Trộm cắp tài sản*" mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Th, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trương Chí Th do có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa người bị hại là anh Trần Ngọc Â và chị Bùi Thị Mỹ D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 23.650.000 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Trương Chí Th và Phan Hữu D khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 17/01/2021 đến ngày 22/01/2021 bị cáo Th và bị cáo D đã bàn bạc thống nhất lấy trộm tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Future, biển kiểm soát 84H1-123.05 của anh Trần Hoàng D và chị Trần Thị Ánh Ng tại ấp Kinh Xáng, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh; 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Exciter 150, biển kiểm soát 64D1-472.00 của anh Đỗ Công L và Phan Thảo Qu tại ấp Hiếu Văn, xã Hiếu Nghĩa, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long; 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Wave Alpha, biển kiểm soát 63B3-747.91 của anh Võ Minh L và chị Nguyễn Thị Tuyết Nh tại Khu phố Nhơn Bình, phường 6, thành phố T A, tỉnh Long An và tiền Việt Nam 2.958.000 đồng; 01 (một) xe mô tô, hiệu Honda, kiểu Fututer,biển kiểm soát 63B3-357.38 của chị Trần Mai Thanh Trúc tại ấp 5, xã Trung An, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang; 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Exciter 135, biển kiểm soát 84H1-428.98 của anh Trần Ngọc Â và Bùi Thị Mỹ D tại ấp Ngãi Trung, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh; 01 (một) mô tô, gắn máy, hiệu Honda, kiểu Wave Alpha, biển kiểm soát 84H1-385.79 của anh Thạch Rên và chị Thạch Thị Tuyết T tại ấp Cầu Tre, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Tổng trị giá tài sản mà bị cáo Trương Chí Th và bị cáo Phan Hữu D chiếm đoạt là 111.443.750 đồng.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Trương Chí Th và Phan Hữu D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Xét thấy khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản giữa bị cáo Th và bị cáo D có sự bàn bạc và thống nhất với nhau, cả hai thay phiên nhau để trực tiếp lấy trộm tài sản, bị cáo D là người chuÂ bị công cụ, phương tiện phạm tội, bị cáo Th là người tìm đối tượng để bán tài sản trộm được. Các bị cáo Th, D đã thực hiện 06 (sáu) trộm cắp tài sản với tổng giá trị 111.443.750 đồng nên đã đủ cơ sở quy kết các bị cáo Trương Chí Th và Phan Hữu D phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C truy tố các bị cáo Trương Chí Th và Phan Hữu D về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, không sai.

[3] Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[4] Xét hành vi của các bị cáo Trương Chí Th và Phan Hữu D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ lẽ ra phải biết ra sức lao động tạo thu nhập chính đáng cho bản thân và gia đình nhưng lại tụ tập cùng nhau, bàn bạc, chuÂ bị công cụ, phương tiện để trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, việc xử lý nghiêm đối với các bị cáo Th, D là cần thiết, Hội đồng xử án xét thấy cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt. Qua đó cũng góp phần vào công tác đấu tranh, răn đe, ngăn chặn loại tội phạm này.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt một cách tương xứng.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trương Chí Th và bị cáo Phan Hữu D đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, tuy nhiên cả hai bị cáo đều có nghề nghiệp làm thuê, có thu nhập, không lấy các lần phạm tội này làm nghề sinh sống và dùng số tiền thu lợi bất chính này làm nguồn sống chính. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng tình tiết "*Có tính chất chuyên nghiệp*" làm tình tiết định khung hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Th và D. Mặt khác, do các bị cáo Th, D nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Đối với bị cáo Trương Chí Th: Bị cáo Th người chủ động liên hệ với bị cáo Phan Hữu D, bàn bạc để thực hiện hành vi tội phạm và là người trực tiếp thực hiện 04 vụ trộm đồng thời là người cất giấu tài sản và tìm đối tượng để tiêu thụ tài sản trộm được.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trương Chí Th đã thành khẩn nhận tội, khai báo rõ hành vi phạm tội của mình và có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường và tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại với số tiền 51.600.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Th đồng ý cùng với bị cáo D bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Th có ông nội ruột là người có công với cách mạng. Do đó cần áp dụng cho bị cáo Trương Chí Th tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Đối với bị cáo Phan Hữu D: Bị cáo D có nhân thân không tốt, từng bị phạt 05 năm tù về hành vi trộm cắp tài sản (trộm xe mô tô), sau khi chấp hành xong hình phạt lẽ ra bị cáo phải biết ăn năn hối cải để trở thành người tốt, tuy nhiên do bản chất lười lao động để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã bàn bạc với bị cáo Th tiếp tục hành vi phạm tội hình thức trộm cắp xe mô tô. Bị cáo D là người tích cực chuẩn bị công cụ, phương tiện để cùng với bị cáo Th thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phan Hữu D đã thành khẩn nhận tội, khai báo rõ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường và tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo D đồng ý cùng với bị cáo Th bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo D có ông ngoại ruột là liệt sỹ. Do đó cần áp dụng cho bị cáo Phan Hữu D tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là anh Thạch R và chị Thạch Thị Tuyết T; anh Võ Minh L và chị Nguyễn Thị Tuyết Nh; chị Trần Mai Thanh Tr đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo Phan Hữu D, Trương Chí Th tự nguyện bồi thường cho anh Trần Hoàng D và chị Trần Thị Ánh Ng số tiền 25.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Trần Ngọc Â và chị Bùi Thị Mỹ D số tiền 23.650.000 đồng; Bồi thường cho anh Đỗ Công L và chị Phan Thảo Qu số tiền 36.400.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bị cáo và người bị hại, do không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Do bị cáo Th và gia đình đã giao nộp số tiền 51.600.000 đồng; bị cáo D và gia đình đã giao nộp số tiền 23.000.000 đồng nên cần buộc các bị cáo Th, D còn tiếp tục bồi thường cho các bị hại số tiền còn lại là 10.450.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng:

Xét thấy cần tịch thu tiêu hủy công cụ phạm tội gồm 07 (bảy) cây đoản, bằng kim loại; 02 (hai) cây điếu tròn, bằng kim loại, màu trắng, chữ L, kích thước 8mm.

Đối với 01(một) nón bảo hiểm, kiểu nửa đầu, màu đen, có chữ Style, màu đỏ; 01 (một) áo khoác, màu đen, tay dài, bên tay trái có dòng chữ Underarmour, màu trắng đây là tài sản của bị cáo Th và 01 (một) nón bảo hiểm, kiểu nửa đầu, màu xanh rêu, bên ngoài nón có chữ Nón sơn; 01 (một) nón lưỡi trai, vải màu đen, có chữ True, màu xám; 01 (một) áo khoác, màu đen, tay dài, trên vai có dòng chữ Qef white đây là tài sản của bị cáo D. Do các tài sản nêu trên giá trị sử dụng không còn, các bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, có số thuê bao 0961.623.445 đây là phương tiện bị cáo Th dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01(một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6 Plus, màu gold, có số thuê bao 0979.380.949; 01 (một) điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, có số thuê bao 0924.629.759 đây là phương tiện bị cáo D dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 74.600.000 đồng do các bị cáo Th, D và gia đình

các bị cáo giao nộp. Xét thấy cần tiếp tục giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C quản lý để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trương Chí Th và Phan Hữu D nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo Trương Chí Th tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Chí Th và bị cáo Phan Hữu D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Chí Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 01 năm 2021.

Phạt bổ sung buộc bị cáo Trương Chí Th nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Hữu D 04 (bốn) năm tù.Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 01 năm 2021.

Phạt bổ sung buộc bị cáo Phan Hữu D nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584; 585; 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Phan Hữu D và bị cáo Trương Chí Th có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trần Hoàng D và chị Trần Thị Ánh Ng số tiền 25.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Trần Ngọc Â và chị Bùi Thị Mỹ D số tiền 23.650.000 đồng;Bồi thường cho anh Đỗ Công L và chị Phan Thảo Qu số tiền 36.400.000 đồng.

Do bị cáo Th và gia đình đã giao nộp số tiền 51.600.000 đồng; bị cáo D và gia đình đã giao nộp số tiền 23.000.000 đồng nên cần buộc các bị cáo còn tiếp tục bồi thường cho các bị hại số tiền còn lại là 10.450.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng và các vật dụng như sau:

- 07 (bảy) cây đoản, bằng kim loại và 02 (hai) cây điếu tròn, bằng kim loại, màu trắng, chữ L, kích thước 8mm.

- 01(một) nón bảo hiểm, kiểu nửa đầu, màu đen, có chữ Style, màu đỏ và 01 (một) áo khoác, màu đen, tay dài, bên tay trái có dòng chữ Underarmour, màu trắng. 01 (một) nón bảo hiểm, kiểu nửa đầu, màu xanh rêu, bên ngoài nón có chữ Nón sơn và 01 (một) nón lưỡi trai, vải màu đen, có chữ True, màu xám; 01 (một) áo khoác, màu đen, tay dài, trên vai có dòng chữ Qefwhite.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, có số thuê bao 0961.623.445, 01(một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6 Plus, màu gold, có số thuê bao 0979.380.949 và 01 (một) điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, có số thuê bao 0924.629.759 đã qua sử dụng.

Giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C tiếp tục quản lý số tiền Việt Nam 74.600.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

4.Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trương Chí Th nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.126.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phan Hữu D nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.126.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh TV;
- VKSND huyện T C;
- Chi cục THADS huyện T C;
- CA huyện T C;
- UBND xã Tân Bình, CL, TV;
- UBND TT.Mỹ Thọ, CL, ĐT;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng